

Đầu năm học 2011 - 2012, Phòng CTCT và HSSV đã thông báo cho những sinh viên nộp cam kết phục vụ ngành (dành cho SV hệ sư phạm) và tất cả sinh viên phải cam kết không sử dụng ma túy và các chất gây nghiện. Tuy nhiên đến nay vẫn còn những sinh viên có tên trong danh sách chưa thực hiện.

- Đối với sinh viên không có cam kết phục vụ ngành thì phải đóng học phí giống như những sinh viên cam kết không vụ vụ trong ngành giáo dục

- Đối với sinh viên không nộp cam kết không sử dụng ma túy và các chất gây nghiện sẽ bị trừ điểm đánh giá rèn luyện trong quá trình học tập tại Trường

**DANH SÁCH SV CHƯA
NỘP CAM KẾT PHỤC VỤ
NGÀNH & MA TÚY K37
(các ngành sư phạm)**

ST HỌ TÊN MS NG KH LỚP
T VÀ N SV ÀY OA P
SIN
H

- | | | | |
|---|-----------|---------|---------|
| 1 | Phạm Việt | K3708/ | Toán 1C |
| | m T | .10 12/ | n- |
| | han | 1.1 198 | Tin |
| | h | 60 2 | |
| 2 | Nguyễn | K3712/ | GD 1A |
| | Yến | .90 05/ | MN |
| | Thị | 2.0 199 | |
| | Hoàng | 22 3 | |
| 3 | Đặng Hà | K3701/ | GD 1A |
| | g | .90 06/ | MN |
| | Thị | 2.0 199 | |
| | Thu | 25 3 | |
| 4 | Lý Huệ | K3701/ | GD 1A |
| | Thục | .90 03/ | MN |
| | c | 2.0 199 | |
| | | 40 3 | |
| 5 | Trần Ngọc | K3709/ | GD 1A |
| | n K c | .90 11/ | MN |
| | im | 2.0 199 | |
| | | 66 3 | |
| 6 | Trần Sa | K3701/ | GD 1A |
| | n | .90 09/ | MN |
| | Thị | 2.0 199 | |
| | Thu | 94 3 | |
| 7 | Nguyễn | K3709/ | GD 1A |
| | Yến o | .90 06/ | MN |
| | Phạm | 2.1 199 | |
| | m P | 03 3 | |
| | hương | | |

- ng
- 8 Pha ThùK3723/ GD 1A
n y .90 08/ MN
Thị 2.1 199
Ki 14 3
m
- 9 NguThủK3720/ GD 1A
yễn y .90 09/ MN
Thị 2.1 199
Phur 16 3
ơng
- 10 Vũ TrinK3703/ GD 1A
Thị h .90 05/ MN
Tuy 2.1 199
ết 31 3
- 11 Trà YênK3714/ GD 1A
n .90 07/ MN
Thị 2.1 199
Mỹ 50 3
- 12 HoàÁi K37 GD 1A
ng .90 TC
Đức 3.0
04
- 13 Lê Đạt K37 GD 1A
Tiế .90 TC
n 3.0
22
- 14 Trà HoàK37 GD 1A
n ng .90 TC
Huy 3.0
39
- 15 NguKhaK3710/ GD 1A
yễn .90 11/ TC
Văn 3.0 199
51 2
- 16 HuỳKhảK3728/ GD 1A
nh i .90 01/ TC
Tấn 3.0 199
54 3
- 17 Trư NghK37 GD 1A
ơng ãa .90 TC
Trọ 3.0
ng 79
- 18 Võ Tâ K37 GD 1A
Duy m .90 TC
3.1
00
- 19 Phạ Tân K3726/ GD 1A
m .90 06/ TC
Min 3.1 199

	h	03	3	
20	Đỗ ThắK37	GD 1A		
	Vănnng	.90	TC	
		3.1		
		09		
21	Vũ TuấK3714/	GD 1A		
	Đứcn	.90 08/	TC	
		3.1	199	
		30	3	
22	NguTú K3720/	GD 1A		
	yễn	.90 03/	TC	
	Ngọ	3.1	199	
	c	35	2	
23	Bùi ViễK3715/	GD 1A		
	Thế n	.90 10/	TC	
		3.1	199	
		42	0	
24	Pha HiếK3728/	GD 1B		
	n Mu	.90 02/	TC	
	inh	3.0	199	
		32	1	
25	Hồ HiếK3724/	GD 1B		
	Trọ n	.90 12/	TC	
	ng	3.0	199	
		35	1	
26	HoàLý K37	GD 1B		
	ng	.90	TC	
	Thị	3.0		
	Hải	65		
27	Lê Mừ K37	GD 1B		
	Vănnng	.90	TC	
		3.0		
		75		
28	NguPhá K37	GD 1B		
	yễn t	.90	TC	
	Hồn	3.0		
	g	86		
29	NguPhú K3712/	GD 1B		
	yễn c	.90 01/	TC	
	Tha	3.0	199	
	nh	91	3	
30	NguPhưK3717/	GD 1B		
	yễn ơng	.90 11/	TC	
	Hoà	3.0	199	
	i	92	2	
31	MaiSơnK37	GD 1B		
	Văn	.90	TC	
		3.0		
		98		
32	Tôn Tân K3706/	GD 1B		

- g H .90 12/ TC
uỳn 3.1 199
h 04 3
- 33 Phạ Thi K3715/ GD 1B
m ệu .90 07/ TC
Văn 3.1 199
16 2
- 34 Lê Tiế K37 GD 1B
Minn .90 TC
h 3.1
22
- 35 NguTùnK3723/ GD 1B
yễn g .90 10/ TC
Tha 3.1 198
nh 34 9
- 36 Bùi Vũ K3720/ GD 1B
Thá .90 06/ TC
i 3.1 199
46 3
- 37 ĐoàDuyK37 GD 1C
n N .90 TC
hất 3.0
15
- 38 NguHải K3710/ GD 1C
yễn .90 08/ TC
Đin 3.0 199
h 30 2
- 39 Trà Hiế K3727/ GD 1C
n Tru .90 07/ TC
ung 3.0 198
33 7
- 40 LuruHoaK3720/ GD 1C
Tuy .90 04/ TC
ết 3.0 199
36 3
- 41 Thá HùnK37 GD 1C
i Ki g .90 TC
m 3.0
48
- 42 Phạ KhoK3729/ GD 1C
m Ta .90 10/ TC
uần 3.0 199
55 3
- 43 Võ SơnK37 GD 1C
Ngọ .90 TC
c 3.0
99
- 44 Phạ Tân K3712/ GD 1C
m .90 08/ TC
Min 3.1 199

- h 02 3
- 45 Trư Tân K3731/ GD 1C
ơng .90 10/ TC
Nh 3.1 199
ựt 05 3
- 46 ĐặnThị K3708/ GD 1C
g Trnh .90 05/ TC
ươn 3.1 199
g C 18 2
ông
- 47 NguThựK3707/ GD 1C
yễn c .90 09/ TC
Văn 3.1 199
20 3
- 48 Trầ Tú K37 GD 1C
n .90 TC
Thị 3.1
Cả 36
m
- 49 NguVư K3701/ GD 1C
yễn ơng .90 06/ TC
Văn 3.1 199
47 2
- 50 NguTra K3708/ Tiế 1C
yễn ng .70 12/ ng
Thù 1.1 199 Anh
y 13 3
- 51 Pha NhuK3710/ Tiế 1B
n ng .70 01/ ng
Thị 2.0 199 Nga
Hồn 40 2
g